SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TRẦN VĂN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Số: 252/TB -YHCT

THÔNG BÁO

Về việc đề nghị báo giá
Loại hàng hoá: Mua sắm thiết bị y tế, hoá chất, vật tư xét nghiệm, oxy dược dụng (khí oxy y tế) phục vụ cho công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026 - 2027 của Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An.

Căn cứ nhu cầu khám chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An.

Hiện nay Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An có nhu cầu mua sắm thiết bị y tế, hoá chất, vật tư xét nghiệm, oxy dược dụng (khí oxy y tế) phục vụ cho công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026 - 2027. Danh mục chi tiết đính kèm (*Phụ lục 01).* Bệnh viện kính mời các đơn vị, công ty quan tâm, có khả năng cung cấp hàng hoá theo danh mục trên.

Quý đơn vị, công ty điền thông tin và các loại giấy tờ, văn bản liên quan (nếu có) đến bệnh viện như sau:

- Bảng báo giá theo mẫu (*Phụ lục 02).*

1. Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 31 tháng 03 năm 2026 đến 16 giờ, ngày 09 tháng 04 năm 2026.

2. Thông tin nhận báo giá:

- Khoa Dược Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An (Ds Ngoãn - 0944150500).

- Địa chỉ: số 44, Đoàn Hoàng Minh, Phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long.

3. Hình thức nhận báo giá: Bản Scan giấy hoặc bản cứng (có chữ ký, đóng dấu của đại diện hợp pháp quý công ty) và file Excel.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Các đơn vị, công ty;
- Lưu VT, KDBV

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TRẦN VĂN AN

Lê Thị Hồng Liên

Phụ lục: 01

SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TRẦN VĂN AN

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Thông báo số: 252 /TB -YHCT ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An)

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật (hoặc tương đương) (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
I. THIẾT BỊ Y TẾ, HOÁ CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM					
1	Băng cá nhân	Miếng	Nhà sx Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485.Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO). Băng được làm từ vải Vicose Polyamide co giãn, được tráng một lớp keo kẽm oxyt, acrylic tạo độ dính được tiệt trùng, không gây dị ứng. - Kích thước: 20mm x 60mm	20.000	
2	Băng keo hấp	Cuộn	Nhà sx Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485. Kích thước:12mm x 55m	8	
3	Băng thun 3 móc	Cuộn	Nguyên liệu: sợi polyester và sợi cao su. Kích thước: 10cm x 4,5m.. Đạt tiêu chuẩn EN, ISO 13485.	95	
4	Băng cuộn	Cuộn	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm². Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước đúng 2,5cm x 5m. Đạt tiêu chuẩn EN, ISO13485	1.500	
5	Bao vải huyết áp	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	25	
6	Bơm tiêm nhựa 1ml + kim	Cây	Đạt tiêu chuẩn CE, sản xuất tại Việt Nam. Bơm tiêm nhựa sử dụng 1 lần dung dịch 1ml, khử trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt. không chứa DEHP, tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO). Kích thước kim 0.5mm x 25mm .	50	
7	Bơm tiêm nhựa 3ml+ kim 25Gx1	Cây	Đạt tiêu chuẩn CE, sản xuất tại Việt Nam. Bơm tiêm nhựa sử dụng 1 lần dung dịch 3ml, khử trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt. không chứa DEHP, tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO). Kích thước kim 0.5mm x 25mm .	3.000	
8	Bơm tiêm nhựa 5ml + kim 23Gx1	Cây	Đạt tiêu chuẩn CE, sản xuất tại Việt Nam. Bơm tiêm nhựa sử dụng 1 lần dung dịch 5ml, khử trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt. không chứa DEHP, tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO). Kích thước kim 0.6mm x 25mm.	14.000	

9	Bơm tiêm nhựa 10ml + kim 23Gx1	Cây	Đạt tiêu chuẩn CE, sản xuất tại Việt Nam. Bơm tiêm nhựa sử dụng 1 lần dung dịch 10ml, khử trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt. không chứa DEHP, tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO). Kích thước kim 0.6mm x 25mm màu xanh.	50	
10	Bơm tiêm nhựa 50ml đầu to	Cây	Đạt tiêu chuẩn CE, sản xuất tại Việt Nam. Bơm tiêm nhựa sử dụng 1 lần dung dịch 50ml, khử trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt, không chứa DEHP, tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO).	25	
11	Đèn hồng ngoại chân thấp	Bộ	- Đạt tiêu chuẩn ISO. '- Công suất: 220V/250W. - Điện thế: Tuỳ thuộc vào bóng đèn. - Chiều cao đèn: 40 - 50cm - Cổ định vị xoay linh động đến 360 độ. Khoảng rộng 30cm + 30cm. - Đuôi sứ E27 độ bền cao sử dụng nhiều bóng đèn. - Có Dimmer tăng giảm ánh sáng. - Bóng đèn 60W - 250W. - Chân đèn bằng kim loại sản xuất bởi TNE	25	
12	Đèn hồng ngoại chân cao	Bộ	- Đạt tiêu chuẩn ISO. ' - Công suất: 220V/60W-250W. - Điện thế: Tuỳ thuộc vào bóng đèn. - Dây nguồn: 2m8 - 3m. - Chiều cao đèn: 1m - 1,7m. - Cổ định vị xoay linh động đến 360 độ. Khoảng rộng 30cm + 30cm. - Đuôi sứ E27 độ bền cao sử dụng nhiều bóng đèn. - Có Dimmer tăng giảm ánh sáng. - Bóng đèn 60W - 250W. - Chân đèn bằng kim loại sản xuất bởi TNE.	33	
13	Bo huyết áp	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	30	
14	Bông thấm nước	Kg	Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị tơi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng.Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước:≤ 0,5%; Độ ẩm: ≤ 8%; Quy cách: 1 kg/ gói Đạt tiêu chuẩn I ISO 13485:2016; CE	500	

15	Bồn hạt đậu (loại sâu 500ml)	Cái	- Dung tích: 500 ml (±5%) hoặc cao 5cm, dài 24cm. - Công dụng: dùng để đựng dung dịch - Chất liệu: inox 304, bóng sáng, không rỉ sét, an toàn trong môi trường bệnh viện; thiết kế dạng hạt đậu lòng sâu, bề mặt nhẵn, không sắc cạnh; dễ vệ sinh, có thể ngâm với dung dịch khử khuẩn và hấp tiệt trùng như các dụng cụ kim loại khác. '- Yêu cầu chất lượng: Sản phẩm mới 100%, dùng trong y tế; có nhãn, số lô, hạn dùng, xuất xứ rõ ràng.	5	
16	Bình kiềm (ống cắm pen)	Cái	'- Công dụng: để bảo quản và đựng các sản phẩm dùng trong y tế như kiềm, kéo - Chất liệu: Inox 304, bóng sáng, không rỉ sét. - Kích thước: đường kính 5cm, chiều cao gồm đáy 14cm. - Đặc tính kỹ thuật: Thiết kế chân đỡ tròn rộng chắc chắn. - Yêu cầu chất lượng: Sản phẩm mới 100%, dùng trong y tế; có nhãn, số lô, hạn dùng, xuất xứ rõ ràng.	10	
17	Chỉ khâu tự tiêu	Tép	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE; TCVN 1922: 1999, Sản xuất tại Việt Nam. Chỉ Chromic số 3/0, chỉ dài 75cm, kim tròn 26mm phủ silicon, cong 1/2 vòng tròn. Được làm trong dung dịch muối Chromium làm tăng cầu liên phân tử giúp chỉ đề kháng với phân tố dịch thể làm kéo dài thời gian tiêu hủy lên trên 90 ngày. Lực bền chắc được duy trì từ 10 đến 14 ngày, có thể lên đến 21 ngày.	1.000	
18	Chén chun (nhỏ)	Cái	'- Công dụng: dùng để đựng dung dịch - Dung tích: Khoảng 200 ml (sai số ±10%) hoặc 9.5 cm x 4.5 cm - Chất liệu: Inox 304, bóng sáng, không rỉ sét. - Đặc tính kỹ thuật: Kích thước nhỏ gọn, có thể ngâm với dung dịch khử khuẩn và hấp tiệt trùng như các dụng cụ kim loại khác. - Yêu cầu chất lượng: Sản phẩm mới 100%, có nhãn, số lô, hạn dùng, xuất xứ rõ ràng.	10	
19	Dây garrot	Sợi	Dùng thắt mạch. Chất liệu thun cotton, có khóa nhựa.	60	
20	Dây truyền dịch AF/C	Sợi	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Ống dây làm từ nhựa PVC y tế, thành ống dây dẻo không bị gập thắt. Bộ màng lọc dịch kích thước 1,42cm, kích thước lỗ lọc 15 ul	150	

21	Bộ dây cắm mask thở chuyên dùng cho buồng oxy cao áp	Bộ	- Chất liệu: Nhựa PVC '- Bộ dây cắm mask thở chuyên dùng cho buồng oxy cao áp gồm: 2 ống gân nhựa mỗi ống dài 100 cm (01 ống màu xanh, 01 ống màu trắng); 01 ống nối ba chạc (một chạc đường kính ngoài 21 mm gắn vừa mask thở, 2 chạc còn lại gắn vừa 2 ống gân nhựa nêu trên), trong ống nối có 2 bộ lọc.	75	
22	Dây cáp điện cực máy điện tim	Sợi	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Phụ kiện kết hợp mới máy điện tim, monitor bệnh nhân để đo tín hiệu điện tim 3 cần 8 (80mm x 20m)	20	
23	Dây cáp điện cực máy điện tim	Sợi	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Phụ kiện kết hợp mới máy điện tim, monitor bệnh nhân để đo tín hiệu điện tim 3 cần 6 (60mm x 30m)	10	
24	Dây dẫn oxy và mask thở	Sợi	Làm từ nhựa PVC y tế mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn.	15	
25	Dây dẫn phun khí dung	Sợi	Kết nối với nguồn oxy từ bình hoặc hệ thống khí trung tâm, phun thuốc dạng sương qua đường mũi hoặc miệng điều trị về hô hấp.	63	
26	Mask (mặt nạ) thở chuyên dùng cho buồng oxy cao áp	Cái	- Chất liệu: Nhựa PVC, trắng trong dẻo. Mask thở gồm: 01 chụp mask chuyên dùng cho buồng oxy cao áp và 01 dây chun. Bề mặt mask không có lỗ thông hơi, gắn vừa khít với mặt người bệnh, không có kẽ hở, kích thước mặt trong mask 12,5 x 7,5 x 6 cm (Dài x rộng x cao), đường kính bên trong lỗ nối 21mm. Đạt tiêu chuẩn	1.250	
27	Dây châm cứu	Sợi	Phụ kiện kèm theo máy điện châm KWD-808 I. Gồm dây đầu tròn và dây đầu vuông.	500	
28	Đầu cone vàng có khía	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO	2.000	
29	Đầu cone xanh có khía	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO	2.000	
30	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng	Cái	Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. - Tổng số nấm men + mốc < 2.0 x 10^1 CFU/g; vi khuẩn hiếu khí < 2.0 x 10^1 CFU/g - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 14001	100	

31	Găng tay chưa tiệt trùng các cỡ	Đôi	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Găng tay khám được làm từ cao su. Dài (240 + 5mm)	38.000	
32	Găng tay tiệt trùng	Đôi	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; số 6 ; 6.1/2; 7; 7.1/2. Găng tay không bột phẫu thuật, cao su vô trùng được khử trùng bằng phương pháp khử trùng bằng bức xạ gamma.	5.000	
33	Gel siêu âm	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO, can 5 lít	250	
34	Gel bôi trơn	Tuýp	Đạt tiêu chuẩn ISO. Dùng trong nội soi, bôi trơn. Thành phần water, glycerin, Glycol…	13	
35	Giấy điện tim	Cuộn	- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Kích thước: 80mm x 20m	390	
36	Giấy điện tim	Cuộn	Đạt tiêu chuẩn ISO Kích thước: 60mm x 30m, Đạt ISO 13485	200	
37	Giấy in nhiệt	Cuộn	Đạt tiêu chuẩn ISO Kích thước: 57mm x 20m	10	
38	Giấy siêu âm trắng đen	Cuộn	- Giấy siêu âm trắng đen UPP 110S Đạt tiêu chuẩn ISO Kích thước: 110mm x 20m	10	
39	Giấy y tế	Kg	Dùng lót, lau trong y tế, thấm hút tốt, không tơi, rã. Kích thước: 40cm x 50cm	200	

40	Hộp chữ nhật	Hộp	'- Dùng để đựng dụng cụ y tế như kiềm, kéo, chén chun, gòn gạc,… - Kích thước: 30 × 20 × 6 cm (sai số ±5%). - Chất liệu: inox 304, bóng sáng, không rỉ sét - Cấu tạo: Hình chữ nhật, có nắp đậy kín, chắc chắn, dễ đóng/mở. - Yêu cầu kỹ thuật: Bề mặt nhẵn, không sắc cạnh, không nứt vỡ; độ bền tốt; dễ vệ sinh, lau chùi. Nắp đậy gài chắc chắn sẽ không làm dụng cụ rơi ra ngoài khi di chuyển, đảm bảo kín - Chất lượng: Sản phẩm mới 100%, dùng trong y tế; có nhãn, số lô, hạn dùng, xuất xứ rõ ràng. - Đóng gói: Đảm bảo an toàn trong vận chuyển. - Xuất xứ: Việt Nam hoặc nhập khẩu hợp pháp.	5	
41	Kéo cắt chỉ đầu tù 16cm	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO ' Kích thước: 16cm	5	
42	Kéo cắt chỉ đầu nhọn 16cm	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO ' Kích thước: 16cm	30	
43	Kềm kelly thẳng 16cm	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO	50	
44	Kim châm cứu 3cm	Cây	Cán đồng, có khuyên, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vô trùng 10 vỉ nhôm x 10 kim (lấy từng kim). Kích thước : 0,30mmx25mm;. Tiệt trùng bằng khí EO Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; 2016	1.000.000	
45	Kim châm cứu 4,5cm	Cây	Cán đồng, có khuyên, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vô trùng 10 vỉ nhôm x 10 kim (lấy từng kim). Kích thước : 0,30mmx30mm;. Tiệt trùng bằng khí EO Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	2.000.000	

46	Kim châm cứu 7cm	Cây	Cán đồng, có khuyên, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vô trùng 10 vỉ nhôm x 10 kim (lấy từng kim). Kích thước : 0,30mmx40mm;. Tiệt trùng bằng khí EO Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	900.000	
47	Kim châm cứu 11,6 cm	Cây	Cán đồng, có khuyên, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vô trùng 10 vỉ nhôm x 10 kim (lấy từng kim). Kích thước : 0,30mmx75mm;. Tiệt trùng bằng khí EO Tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	100.000	
48	Kim laser nội mạch	Bộ	'- Sản phẩm đạt ISO 13485. - Bộ kim quang và kim luồn tĩnh mạch G22 '- Sử dụng trong điều trị chiếu xạ laser nội mạch bằng laser He–Ne hoặc laser bán dẫn để chiếu xạ trong mạch máu. '+ Bộ kim quang gồm: tối thiểu các thành phần: '- Khớp nối '- Đầu sợi quang dẫn '- Nắp bảo vệ ' - Sợi quang an toàn khi sử dụng trong mạch máu. ' - Không có chất gây sốt (non-pyrogenic). '- Tương thích với bước sóng laser từ 532,8 nm đến 680 nm. '+ Kim luồn tĩnh mạch cỡ 22G. '- Phù hợp sử dụng kết hợp với bộ kim quang. '- Vô khuẩn, dùng một lần. - Đóng gói vô khuẩn, đảm bảo an toàn khi sử dụng. - Có hướng dẫn sử dụng theo quy định.	750	
49	Kim luồn tĩnh mạch	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Các số: 18,20,24 (có cửa sổ)	50	
50	Kim rút thuốc số 16 G	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	50	
51	Kim rút thuốc số 23 G/ 1inch	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO. Khử trùng bằng khi EO, vô trùng, không độc, không gây sốt. Kích thước kim 0.6mm x 25mm màu xanh.	50.000	

52	Kim đẩy chỉ (đầu bằng)	Cây	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Kích thước : ϕ 0,30 × 33 mm dùng cho kim 23G	5.000	
53	Kim test đường huyết	Kim	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	225	
54	Khẩu trang giấy 4 lớp	Cái	Khẩu trang tế gồm 4 lớp. Màu sắc đồng đều, không loang bẩn. Quy cách: 50 cái/ hộp. - Dây đeo: Dây đeo bằng sợi polyester và spandex, độ giãn thun thoải mái. Giúp cho việc đeo, tháo khẩu trang dễ dàng, đảm bảo vệ sinh an toàn khi sử dụng, không gây dị ứng -Các lớp vải : dạng phẳng, có nếp gấp + Hai lớp vải không dệt tác dụng chống thấm nước, ngăn cản các hạt chất lỏng, bọt bắn kích thước lớn + Lớp trong: màu trắng, mặt vải quay vào trong tiếp xúc trực tiếp với da mặt, có khả năng thấm hút nước, mồ hôi. + Lớp vi lọc ở giữa (lớp màng lọc khuẩn) có tác dụng ngăn các giọt bắn, lọc bụi, vi khuẩn, đóng vai trò quan trọng nhất. Yêu cầu đối với lớp vi lọc là thấu khí, không thấm nước. -Thanh nẹp mũi: Bằng nhựa 100% nguyên chất hoặc kẽm bọc nhựa. Thanh nẹp mũi mềm, dễ uốn cong có tác dụng kẹp kín khẩu trang lên sống mũi. -Khẩu trang y tế được sử dụng 1 lần có tác dụng ngăn ngừa bụi bẩn, hóa chất. 100 nguyên liệu sạch. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	50.000	
55	Lọ đựng nước tiểu	Lọ	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Lọ nhựa PS 40ml có nhãn	2.000	
56	Máy châm cứu lớn	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Phụ trợ dò tìm huyệt trên cơ thể người - Có 5 dạng xung (ứng với các công dụng trị liệu khác nhau) để lựa chọn: Sóng liên tục, Sóng không liên tục, Sóng nén, Sóng dao động lên xuống, Sóng tắt mở. - Tần số xung điện dao động từ 1,2Hz - 55Hz và bề rộng của bước sóng từ 0,6ms - Nguồn cung cấp 1 pha 220V / 50Hz hoặc pin 9V - Nguồn đầu vào: ít hơn 20 VA. - 6 kênh đầu ra, kích thích 12 điểm cùng 1 lúc. - Điều chỉnh cường độ xung - Chức năng hẹn giờ: Từ 0~60 phút+ 10%	250	
57	Máy đo huyết áp người lớn	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	50	

58	Máy đo huyết áp trẻ em	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	
59	Máy đo huyết áp điện tử	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	10	
60	Máy thử đường huyết (tại giường) + Que	Cái	Máy đo đường huyết có độ chính xác và ổn định cao; Đạt chứng nhận FDA Mỹ hoặc EC, ISO 13485:2016, đạt tiêu chuẩn quốc tế EN ISO 15197:2015; Hộp kèm theo 25 que	4	
61	Nhiệt kế (thủy ngân)	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO	13	
62	Nước rửa phim X quang	Bộ	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Bộ gồm: Thuốc rửa phim hiện hình - Auto Developer Thuốc rửa phim hảm hình - Auto Fixer	4	
63	Phim X quang 30cm*40cm	Tấm	Đạt tiêu chuẩn ISO Kích thước 30cm x 40cm	400	
64	Phim X quang 24cm*30cm	Tấm	Đạt tiêu chuẩn ISO Kích thước 24cm x 30cm	200	
65	Ống phun khí dung Mũi họng	Cái	Dùng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	100	
66	Ống hút nhớt	Cái	Số 14; 16; (loại mềm) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	40	
67	Ống thông tiểu số 18	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	90	
68	Sonde dạ dày	Cái	Các số không nắp dài 125cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	30	
69	Sonde 2 nhánh	Cái	Các cỡ từ 12-20 ;có tráng silicon trong lòng ống. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	15	

70	Sonde oxy 2 lỗ người lớn	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.Chất liệu PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi. Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO. Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc. Đầu thở mềm, có hai ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu. Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn. Dây dẫn có chiều dài: 2 m, lòng ống có khía chống gập.	135	
71	Ống nghiệm Citrat	Tube/ Ống	* Ống nghiệm nhựa PP nguyên sinh , kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml, nắp nhựa màu xám. * Bên trong chứa chất kháng đông Sodium Flouride(NaF) và EDTA K2, chỉ có một vạch chỉ thể tích 2ml trên nhãn ống. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016.	100	
72	Ống nghiệm Chimigly	Tube/ Ống	- Ống nghiệm nhựa PP nguyên sinh , kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml, nắp nhựa màu xám. - Bên trong chứa chất kháng đông Sodium Flouride(NaF) và EDTA K2, chỉ có một vạch chỉ thể tích 2ml trên nhãn ống. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016.	3.000	
73	Ống nghiệm EDTA	Tube/ Ống	`*Ống nghiệm nhựa PP, nguyên sinh, có độ nhẵn và trơn láng cao chống sự bám dính mẫu, kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml , nắp nhựa màu xanh dương. * Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (EDTA K2), chỉ có một vạch chỉ thể tích 2ml trên nhãn ống. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016.	6.000	
74	Ống nghiệm Heparine	Tube/ Ống	* Ống nghiệm nhựa PP, nguyên sinh, có độ nhẵn và trơn láng cao chống sự bám dính mẫu, kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml, nắp nhựa màu đen Bên trong chứa chất kháng đông Lithium Heparin, chỉ có một vạch chỉ thể tích 2ml trên nhãn ống. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	7.000	

75	Ống nghiệm Eppendorf	Tube/ Ống	- Ống hình trụ tròn, nắp nhựa liền thân. Thân và nắp ống nghiệm được làm từ nhựa PP (Polypropylene) nguyên sinh, độ nhẵn và trơn láng cao chống sự bám dính mẫu. - Kích thước Ø9,5 x 41 (mm) * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016.	2.000	
76	Ống nghiệm nhỏ	Ống	Chất liệu PS, không nắp, 5ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3.000	
77	Sample cup 2,5 ml	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2.000	
78	Túi đựng nước tiểu	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	110	
79	Túi hơi huyết áp người lớn	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO	50	
80	Van huyết áp	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO	50	
81	Túi chườm nóng	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2	
82	HAV-IgM	Test	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể IgM trong máu toàn phần hoặc huyết tương/ huyết thanh Độ nhạy: ≥ 95%, độ đặc hiệu: ≥ 97%, có sử dụng dung dịch đệm giúp tăng độ chính xác của Sản phẩm.	25	
83	HEV-IgM	Test	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể IgM kháng HEV trong máu toàn phần hoặc huyết tương/ huyết thanh Độ nhạy: 95%, độ đặc hiệu: ≥ 97%, có sử dụng dung dịch đệm giúp tăng độ chính xác của Sản phẩm.	25	
84	HbsAg test nhanh	Test	Phát hiện kháng nguyên HbsAg test nhanh trong huyết thanh, huyết tương , máu toàn phần của người. Độ nhạy 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,88%. Thành phần Kít thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAG-04 (0,16µg). Vạch kết tủa chuột kháng HBsAG-B20 (0,20µg). Vạch chứng IgG đề kháng chuột (0,20µg) . Ngưỡng phát hiện 1mg/ml. Phân loại trang thiết bị loại D. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2013. Bảo quản ở nhiệt độ thường.	100	

85	Anti HCV	Test	Độ nhạy: 99,53%, độ đặc hiệu: 99,64% có sử dụng dung dịch đệm giúp tăng độ chính xác của sản phẩm	300	
86	Anti HBs	Test	Định tính phát hiện HBsAb trong huyết tương hoặc huyết thanh Độ nhạy: 99,8% Độ đặc hiệu: 99,9%	250	
87	Bột TaLc	Kg	Đạt tiêu chuẩn ISO Bột talc không mùi, không vị, mịn không lẫn tạp chất Hàm lượng: SiO2 >60% MgO >30%	1.320	
88	Camphor	Kg	Đạt tiêu chuẩn ISO tinh thể có màu trắng, không tạp chất. Điểm nóng chảy trong khoảng 174-180 độ C Độ tinh khiết > 96%	61	
89	Cồn 70 độ	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO Đạt quy chuẩn an toàn của BYT: QCVN 6-3:2010/BYT. Hàm lượng Etanol ở 20 độ C: > 70% Được sản xuất từ nguyên liệu: C6H12O6, Axit sunfuric, Xút, Ure, chất phá bọt và nước cất vừa đủ	2.000	
90	Cồn 90 độ	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO Đạt quy chuẩn an toàn của BYT: QCVN 6-3:2010/BYT. Hàm lượng Etanol ở 20 độ C: > 90% Được sản xuất từ nguyên liệu: C6H12O6, Axit sunfuric, Xút, Ure, chất phá bọt và nước cất vừa đủ	3.085	
91	Dầu PARAFIN	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO Không mùi, tỉ trọng ở 29.5 độ C trong khoảng 0.82-0.88gm/cc	75	
92	Sáp PARAFIN	Kg	Đạt tiêu chuẩn ISO Nóng chảy ở nhiệt độ 58-60 độ C.	617	
93	GLYCERIN	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO Tinh khiết (99%), không màu, không lẫn tạp chất.	62	

94	Methyl Salicylate	Kg	Đạt tiêu chuẩn ISO Không màu hoặc màu vàng rất nhạt có mùi thơm đặc trưng. Mật độ tương đối (relative denstive) trong ngưỡng 1.180-1.185. Hàm lượng kim loại nặng không quá 0.002%. Tan hoàn toàn trong cồn 70 độ với tỉ lệ 1:7 hoặc 2:10 với cồn 96 độ.	900	
95	Nước cất	Lít	Nước cất đã tiệt trùng đóng chai/can/thùng, đạt tiêu chuẩn trong y tế.	300	
96	Tinh dầu Bạc hà	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO không màu hoặc màu vàng nhạt. Hàm lượng tối thiểu 60%. Tan hoàn toàn trong cồn 70 độ với tỉ lệ 1:3.5 (1ml tinh dầu bạc hà tan hoàn toàn trong 3.5ml cồn 70 độ)	183	
97	Tinh dầu Hoa hồng	Lít	Đạt tiêu chuẩn ISO Màu vàng, có mùi hoa hồng đặc trưng	9	
98	Than hoạt tính	Kg	Đạt tiêu chuẩn ISO Hàm lượng: - Cloride <0,3 - Zinc salt <0,007	45	
99	Que thử đường huyết	Que	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 sử dụng cho máy Vina Check	750	
100	Que thử nước tiểu	Que	Dùng để định tính và bán định lượng 10 thông số: Ascorbic acid, Blood, Bilirubin, Urobilinogen, Ketone, Glucose, Protein, Nitrite, Leukocytes, PH, tỉ trọng SG. Kết quả trên que có thể đọc bằng mắt thường hoặc trên máy. Sử dụng cho máy xét nghiệm nước tiểu URSA-100. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2.000	
101	Hoá chất màu đỏ Erythrosine	Kg	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	1	
102	Hoá chất màu vàng Tartazine BD	Kg	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	2	
103	Hoá chất màu xanh Blue Patente	Kg	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	1	
104	Đường cát trắng	Kg	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	250	
105	Pressept (Biospot).	Viên	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	300	

II. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM THEO MÁY					
1. Máy xét nghiệm sinh hóa tự động (Monarch - 300) - SAT 450					
106	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine. Phương pháp đo: Modified Jaffe Thành phần: + R1 Sodium hydroxide 350 mM pH 13.0 ± 0.2 + R2 Picric acid 10 mM pH 2,6 ± 0.1 Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	4.000	
107	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea. Thành phần: Phương pháp đo: Urease-GLDH Buffer α-Ketoglutarate < 4.0 mM Urease 7500 U/L GLDH 1000 U/L ADP > 2.0 mM NADH 1,29 mM Stabilizers and detergents pH 7.4 ± 0.1 Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	750	
108	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose. Thành phần: Phương pháp đo: Glucose oxidase / Trinder - Glucose Oxidase ≤ 23 U/mL Peroxidase ≤ 0,75 U/mL Aminoantipyrine 0,30 mM 4-Chlorophenol < 10 mM Non-reactive stabilizers and fillers Sodium Azide 0,05%. pH 7.4 ± 0.15 Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	6.000	

109	Hóa chất xét nghiệm định lượng GOT (AST)	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng GOT (AST). Phương pháp đo: Modified IFCC Thành phần: + R1 Tris Buffer 100 mM L-Aspartic acid 330 mM Malate dehydrogenase (MDH) >1000 U/L LDH (microbial) > 2000 U/L pH 7.8 ± 0.1 + R2 NADH 1,1 mM α-Ketoglutaric acid 78 mM Sodium azide 0.01 % pH 10.0 ± 0.1 Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	1.500	
110	Hóa chất xét nghiệm định lượng GPT (ALT)	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng GPT (ALT). Phương pháp đo: Modified IFCC Thành phần: + R1 Tris Buffer 125 mM L-Alanine 680 mM LDH (microbial) > 2000 U/L pH 7.5 ± 0.1 + R2 α-ketoglutaric acid 97 mM NADH 1.1 mM Sodium azide 0.01 % pH 10.5 ± 0.1 Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	1.500	
111	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần. Phương pháp đo: Trinder-CHO Thành phần: PIPES 90 mM 4-Aminoantipyrin 0.40 mM Cholesterol oxidase 350 U/L Cholesterol esterase 500 U/L Peroxidase 1000 U/L Phenol 28 mM pH 6,8 ± 0.2 Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	3.250	

112	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides. Phương pháp đo: GPO-Trinder Thành phần: ATP 0,1 mM 4-Aminophenazone 0,1 mM p- chlorophenol 2,0 mM GPO 3500 U/L Lipoprotein Lipase 150000 U/L GK 500 U/L GOOD 50 mM pH 6,3 ± 0,1 Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	3.250	
113	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol. Phương pháp đo: Immunoinhibition Thành phần: + R1 Dextran sulfat ≤ 10 g/dL MgCl2.6H2O ≤ 5 g/dL Detergent ≤ 10 g/dL pH 6,2- 6,8 + R2 Detergent ≤ % 2 PEG-Cholesterol oxidase ≤ 5 KU/L PEG-Cholesterol esterase ≤ 5 KU/L 4-Aminoantipyrine ≤1 g/dL Peroxidase ≤ 8 KU/L pH 6,8 - 7,4 Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	3.250	
114	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol. Phương pháp đo: Enzyme selective reagent Thành phần: + R1: Detergent Cholesterol esterase : ≤ 200.000 U/L Cholesterol oxidase : ≤ 200.000 U/L Peroxidase : ≤ 200.000 U/L 4-aminoantipyrine + R2: Detergent TOOS Tris Buffer Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	320	

115	Albumin	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin. Phương pháp đo: Bromcresol green Thành phần: Bromcresol green 0,25 mM Succinat Buffer 85 mM Surfactant pH 4.20 ± 0.1 Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	250	
116	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần.	ml	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Protein toàn phần. Phương pháp đo: Biuret Thành phần: Sodium Hydroxide 600 mM Cupric Sulfate 12 mM Potassium Sodium Tartrate 32 mM Potassium Iodide 30 mM Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	250	
117	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Acid Uric	ml	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Acid Uric. Phương pháp đo: Uricase / Trinder Thành phần: - TOOS < 1 mM 4-AAP < 4 mM Uricase 150 U/L Peroxidase 12000 U/L Non-reactive stabilizers and fillers. pH 7.6 ± 0.2 Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	750	
118	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần. Phương pháp đo: Sulphanilic acid Thành phần: + R1 HCL 50 mM Sulphanilic Acid 30 mM + R2 Sodium Nitrite 145 mM Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	250	

119	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp. Phương pháp đo: Sulphanilic acid Thành phần: + R1 HCL 150 mM Sulphanilic Acid 30 mM + R2 Sodium Nitrite 29 mM Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	250	
120	Hóa chất xét nghiệm % HbA1c	ml	Hóa chất xét nghiệm % HbA1c Phương pháp: Turbidimetric Thành phần: R1 : Latex R2 : Anti-HbA1c (Anti-human hemoglobin A1c mouse monoclonal antibody) Sample Diluent: Distilled Water and stabilizers Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	495	
121	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c. Thành phần: - Hồng cầu người Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	3	
122	Vật liệu kiểm soát định lượng HbA1c	ml	Vật liệu kiểm soát định lượng HbA1c. Thành phần: - Máu toàn phần của người Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	3	
123	Dung dịch rửa base dùng cho máy sinh hóa tự động	ml	Dung dịch rửa bazo dùng cho máy phân tích sinh hóa. Thành phần: - 0.1 N NaOH - Surfactant < % 0,01 Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	4.000	

124	Dung dịch rửa acid đo cho máy sinh hóa tự động	ml	Dung dịch rửa acid dùng cho máy phân tích sinh hóa. Thành phần: - 0.1 N HCI - Surfactant < % 0,01 Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	1.500	
125	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ gamma GT	ml	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ gamma GT. Phương pháp đo: Modified IFCC – Szasz Thành phần: + R1 Tris buffer 100 mM Glycylglycine 100 mM pH 8,55 ± 0,1 + R2 L-gamma glutamyl 3-carboxy 4-nitroanilide 3.0 mM pH 6,15± 0,1 Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	1.500	
126	Thuốc thử xét nghiệm định lượng RF	ml	Thuốc thử xét nghiệm định lượng RF. Phương pháp đo: Turbidimetric Thành phần: + R1 (Diluent) Tris buffer 20 mmol/L, pH 8,2 Sodium azide 0,90 g/L Merthiolate 0,05 g/L + R2 Latex particles coated with human gammaglobulin, pH7.4 . Sodium azide 0.90 g/L, Merthiolate 0.05 g/L Đạt tiêu chuẩn 13485. Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	150	
127	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng RF	ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng RF Thành phần: Human serum Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	1	

128	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP. Phương pháp: Immunoturbidimetric Thành phần: Buffered pH 7.8 Polyclonal goat anti-h CRP antibody variable Sodium azide 0.095 % PEG 3 % Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	100	
129	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng ASO/CRP/RF mức thấp	ml	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng ASO/CRP/RF mức thấp Thành phần: Human serum Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	2	
130	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng ASO/CRP/RF mức cao	ml	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng ASO/CRP/RF mức cao Thành phần: Human serum Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	2	
131	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP Thành phần: Human serum, sodium azide 0.95 g/L Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	2	
2. Hóa chất nội kiểm sinh hóa (máy Monarch - 300) - SAT 450					
132	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm sinh hóa mức bình thường	ml	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm sinh hóa mức bình thường. Thành phần: - Huyết thanh người (dạng đông khô). Phụ gia sinh học. Các chất kìm khuẩn. Nồng độ/hoạt tính của các thành phần đặc thù theo từng lô Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	150	

133	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm sinh hóa mức bất thường	ml	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm sinh hóa mức bất thường. - Huyết thanh người (dạng đông khô). Phụ gia sinh học. Các chất kìm khuẩn. Nồng độ/hoạt tính của các thành phần đặc thù theo từng lô Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	150	
134	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa đa thành phần	ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa đa thành phần. - Huyết thanh người (dạng đông khô). Phụ gia sinh học. Các chất kìm khuẩn. Nồng độ/hoạt tính của các thành phần đặc thù theo từng lô Đạt tiêu chuẩn 13485 Sử dụng tương thích cho máy sinh hoá tự động Monarch - 300 và SAT 450	45	
3. Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa, ngoại kiểm huyết học					
135	Ngoại kiểm Sinh hóa	Hộp	Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa. Quy cách: Hộp (6x5ml)	2	
136	Ngoại kiểm Huyết học	Hộp	Hóa chất ngoại kiểm huyết học. Quy cách: Hộp (3x2ml)	4	
4. Hóa chất xét nghiệm huyết học (Hóa chất sử dụng cho máy Micros ES60)					
137	Hóa chất pha loãng dùng cho máy huyết học	Lít	- Dung dịch pha loãng đã được đệm, ổn định và lọc vi sinh, dùng cho việc pha loãng tự động mẫu máu người, để định lượng và định tính hồng cầu (RBC), bạch cầu (WBC) và các quần thể bạch cầu, tiểu cầu (PLT), cũng như đo nồng độ hemoglobin (HGB) trên các máy huyết học. - Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt tiêu chuẩn EC, ISO. - Độ ổn định của thuốc thử sau khi mở hộp là ≥ 6 tháng	360	
138	Hóa chất ly giải hồng cầu	Lít	Thuốc thử ly giải, đã được ổn định và lọc vi sinh, dùng để ly giải hồng cầu (RBC), phục vụ cho việc định lượng bạch cầu (WBC), các quần thể bạch cầu và đo nồng độ hemoglobin (HGB) trong mẫu máu toàn phần trên các máy huyết học. - Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt tiêu chuẩn EC, ISO. - Độ ổn định của thuốc thử sau khi mở hộp là ≥ 6 tháng	9	

139	Hóa chất rửa dùng rửa máy	Lít	- Dung dịch rửa đã được ổn định và lọc vi sinh, dùng cho làm sạch, súc rửa và rửa tự động định kỳ các ống dẫn và buồng đếm của máy huyết học, giúp loại bỏ các cặn kết tủa thành phần máu và cặn lắng lipoprotein trên các máy huyết học. - Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt tiêu chuẩn EC, ISO. - Độ ổn định của thuốc thử sau khi mở hộp là ≥ 6 tháng.	18	
140	Hóa chất rửa dùng rửa máy dùng cho bảo trì	Lít	- Nước rửa kiềm đậm đặc sử dụng cho máy huyết học '- Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt tiêu chuẩn EC, ISO.	2	
141	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức cao	ml	- Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức cao. - Thành phần: chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương.. - Độ ổn định sau khi mở: ổn định tối đa 16 ngày ở 2-8°C (35-46°F) sau khi mở ống. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	8	
142	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức thấp	ml	- Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức thấp. - Thành phần: - Thành phần: chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương.. - Độ ổn định sau khi mở: ổn định tối đa 16 ngày ở 2-8°C (35-46°F) sau khi mở ống. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	8	

143	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức trung bình	ml	- Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức trung bình. - Thành phần: chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương.. - Độ ổn định sau khi mở: ổn định tối đa 16 ngày ở 2-8°C (35-46°F) sau khi mở ống. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	8	
III. OXY DƯỢC DỤNG (KHÍ OXY Y TẾ)					
144	Oxy khí	Chai 6m3	Hàm lượng Oxy 99,6%	100	
145	Oxy khí	Chai 1,5m3	Hàm lượng Oxy 99,6%	100	
146	Oxy lỏng	Kg	Hàm lượng Oxy 99,6%	45.000	
Tổng cộng: 146 mặt hàng					